

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 8/5/2020

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC – TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Liên và bà Hà Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Than - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST- HNGĐ ngày 24/02/2020, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1992 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm T 1 (nay là xóm T), xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1989 (vắng mặt không có lý do)

Nơi ĐKKHKT: Xóm T 1 (nay là xóm T), xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Bùi Văn B kết hôn năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại xóm Xóm T 1 (nay là xóm T), xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình và đã có hai con chung. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai anh chị không có sự chia sẻ, cảm thông và tôn trọng nhau. Vợ chồng đã được hai bên nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng cả hai không khắc phục được, vợ chồng bất đồng quan điểm và đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Chị Q đưa con thứ hai về nhà bố mẹ đẻ tại xóm T 2 (nay là xóm T) ở, anh B ở tại nhà cùng với con lớn, không ai quan tâm đến ai. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được vì vậy chị Q xin ly hôn anh B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Bình M, sinh ngày

20/11/2010 và Bùi Thùy T, sinh ngày 01/4/2015. Khi ly hôn chị Q đề nghị được nuôi con Bùi Thùy T, giao cho anh B nuôi con Bùi Bình M.

Về tài sản chung: Chị Q xác nhận là không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có

Về án phí: Chị Q tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Do anh B không đến Tòa án trình bày quan điểm về việc giải quyết ly hôn nên chị B đã đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh B theo quy định chung.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Q xuất trình và giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau:

- 01 Trích lục kết hôn năm 2010 tại UBND xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình của chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn B
- 01 Bản sao hộ khẩu của chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn B
- 02 Bản sao Chứng minh thư nhân dân tên chị Bùi Thị Q
- 02 bản sao Giấy khai sinh con chung Bùi Bình M, sinh ngày 20/11/2010 và Bùi Thùy T, sinh ngày 01/4/2015
- Bản tự khai của chị Bùi Thị Q

Phía bị đơn - anh B không có mặt tại Tòa án và không có văn bản trình bày quan điểm của mình nộp cho Tòa án.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xác minh được như sau:

- Tại biên bản ghi lời khai của con chung trên 07 tuổi đối với con Bùi Bình M ngày 23/3/2020 có nội dung: Cháu Bùi Bình M là con chung của chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn B. Hiện nay học lớp 3A, trường Tiểu học xã P, huyện Tân Lạc, cháu M đang ở với bố và bà nội tại xóm T 1 (nay là xóm T), có được chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ. Khi bố mẹ ly hôn cháu M đề nghị được ở với bố Bùi Văn B vì đã quen sống với bà nội với bố.

- Tại 02 Biên bản xác minh ngày 24/3/2020 đối với ông Bùi Văn Ý- Trưởng xóm T và ông Bùi Văn I – Công an viên xóm T cho biết: Anh Bùi Văn B và chị Bùi Thị Q là vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chính quyền địa phương chưa phải can thiệp giải quyết. Tuy nhiên từ năm 2016 chị Q và anh B đã sống ly thân và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa, chị Q về xóm T 2 ở, anh B ở lại nhà tại xóm T 1. Tại địa phương, Hai ông có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án để tiến hành tổng đạt cho anh Bùi Văn B đến Tòa án giải quyết việc ly hôn đối với chị Bùi Thị Q. Hai ông đã nhiều lần đến nhà riêng của anh Bùi Văn B giao các văn bản của Tòa án, anh B có nhận các văn bản này nhưng không ký vào Biên bản giao nhận. Việc bị đơn không ký nhận các biên bản đã được lập biên bản xác nhận sự việc trên gửi về Tòa án làm căn cứ giải quyết theo quy định.

* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên cho rằng Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật

đúng theo quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 22/4/2020 bị đơn Bùi Văn B vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục pháp luật tố tụng.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn B; Về con chung: Giao con Bùi Thùy T cho chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con Bùi Bình M cho anh B nuôi dưỡng, giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Tài sản chung và công nợ chung không có nên không đề nghị giải quyết. Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q xin ly hôn anh Bùi Văn B có nơi cư trú tại xã P, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, được quy định tại khoản 1- Điều 28; khoản 1 - Điều 35; điểm a - khoản 1 - Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn ly hôn của chị Bùi Thị Q và văn bản giấy tờ chứng minh nhân thân và hôn nhân của vợ chồng, cùng các tài liệu chứng cứ do Tòa án xác minh đã đầy đủ theo luật định.

- Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy quyền cho Trưởng xóm T, xã P thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng trực tiếp cho anh Bùi Văn B, nhưng anh B không ký nhận Biên bản giao nhận. Đại diện xóm T, xã P đã tiến hành lập biên bản xác minh, ghi rõ về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo có xác nhận của UBND xã P, huyện Tân Lạc; Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tổng đạt theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Bùi Văn B không có mặt tại Tòa án, không có văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án ly hôn theo đơn của chị Q. Như vậy anh B đã tự mình từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Tòa án không có căn cứ xem xét.

Do bị đơn Bùi Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

- Phiên tòa lần thứ nhất (ngày 22/4/2020) các đương sự đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất, nhưng Bị đơn Bùi Văn B vắng mặt. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 233, Điều 241 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: Áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 2014

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Bùi Văn B là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự cảm thông, chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau, chung sống không hạnh phúc, thời gian ly thân kéo dài nhiều năm từ năm 2016 đến nay; cuộc sống chung thực tế không tồn tại. Bản thân chị Bùi Thị Q không còn có tình cảm với anh B và có đơn xin ly hôn mục đích giải phóng hôn nhân không tồn tại trên thực tế. Đây là quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cần được pháp luật bảo vệ nên cần chấp nhận yêu cầu này.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị Q và anh B có hai con chung là Bùi Bình M, sinh ngày 20/11/2010 và Bùi Thùy T, sinh ngày 01/4/2015. Thực tế hiện nay chị Q đang nuôi con Bùi Thùy T, anh B nuôi con Bùi Bình M; bản thân cháu M đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng được ở với bố; hai con chung của anh chị có chỗ ăn ở học tập ổn định. Vì vậy khi ly hôn giao cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con Bùi Thùy T; giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Bùi Bình M. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập.

[2.4] Về công nợ chung: Không có

[2.5] Về án phí: Chị Bùi Thị Q tự nguyện phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 3 Điều 203; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Q, cho chị Bùi Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn B.

Về nuôi con chung: Giao con là Bùi Thùy T, sinh ngày 01/4/2015 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con là Bùi Bình M, sinh ngày 20/11/2010 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2] Án phí: Chị Bùi Thị Q phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp 300.000đồng dự phí án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số 0001646 ngày 24/02/2020, nay được đối trừ hết.

[3] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Tân Lạc, Hòa Bình
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc
- Các đương sự
- UBND xã P, huyện Tân Lạc.
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Hà Thị Yến